

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Bình**

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Nguyễn Mộng Cẩm** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Mai H**, sinh ngày 25/11/1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường K**, sinh ngày 26/7/1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai ý kiến ngày 01/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Mai H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường K thành hôn năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận T1, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 05/4/2023. Thời gian chung sống được khoảng 01 năm, lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi và vợ chồng ly thân từ năm 2024 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không hàn gắn lại được. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Trường K.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Mai H yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Trường K cư trú ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Phạm Thị Mai H có đơn xin vắng mặt ngày 04/11/2025, bị đơn anh Nguyễn Trường K được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Mai H và anh Nguyễn Trường K thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường M, quận T1, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34 vào ngày 05/4/2023 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh K là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh K thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi và vợ chồng ly thân từ năm 2024 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không hàn gắn được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tổng đạt hợp lệ cho anh K để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh K vắng mặt không lý do. Chị H có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải do chị và anh K có thỏa thuận ly hôn nhưng anh K không muốn đến Tòa, để Tòa án giải quyết. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị H và anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Mai H xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Mai H xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mai H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Mai H. Xử cho chị H ly hôn với anh Nguyễn Trường K.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Mai H xác định không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Mai H xác định không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị Mai H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0006090 ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND phường P, TP Hồ Chí Minh (phường M, quận T1 cũ) (Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 05/4/2023);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Tám